

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015;
- Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2024 và văn bản ghi ý kiến về việc thống nhất toàn bộ nội dung biên bản hòa giải thành ngày 17/4/2024 của bị đơn bà Nguyễn Thị V vắng mặt tại phiên hòa giải.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H)

Trụ sở: **Số B N Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Quốc T**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Hoàng N**, chức vụ: Giám đốc **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (H), chi nhánh L1**. Theo văn bản ủy quyền số 1489/2023/QĐ-TGD ngày 23/5/2023 của Tổng giám đốc **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H**; địa chỉ: **Số A T, Phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng**.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Lê Doan T1** – Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2023).

Bị đơn: vợ chồng ông **Trần Văn L**, sinh năm 1983; bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1971; địa chỉ: **T. B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông **Trần Văn L**, bà **Nguyễn Thị V** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh L1** số tiền nợ vay tính đến ngày 17/4/2024 là 1.644.340.365đ (Một tỷ sáu trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 1.500.000.000đ; nợ lãi trong hạn là 134.585.886đ và nợ lãi quá hạn 9.754.479đ.

Kể từ ngày 18/4/2024 cho đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn phải thi hành án thì phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cấp tín dụng số 9861/23MN/HĐTD ngày 10/4/2023.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản số 10924/22MN/HĐBĐ ngày 30/3/2022 giữa ông **Trần Văn L** với **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H, Chi nhánh L1** đối với tài sản thế chấp là quyền dụng đất thửa 2756 tờ bản đồ 20 xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (nay là thửa 267 tờ bản đồ 22 theo bản đồ địa chính xã T đo đạc năm 2022), đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD767521 do **Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh L** cấp ngày 18/02/2022 đứng tên ông **Trần Văn L** để bảo đảm cho việc thi hành án. (*Trường hợp vợ chồng ông **Trần Văn L**, bà **Nguyễn Thị V** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H - Chi nhánh L1** được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ*).

- Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông **Trần Văn L**, bà **Nguyễn Thị V** chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp. Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng và quyết toán xong nên vợ chồng ông **Trần Văn L**, bà **Nguyễn Thị V** có nghĩa vụ hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – Chi nhánh L1** số tiền 2.0000.000đ (Hai triệu đồng).

3. Về án phí: Vợ chồng ông **Trần Văn L**, bà **Nguyễn Thị V** đồng ý chịu 30.665.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (đã làm tròn số).

Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H** số tiền tạm ứng án phí 29.451.000 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm năm mươi một nghìn đồng) đã được nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004404 ngày 29/12/2023 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Minh Huân

THẨM PHÁN